

NGHỊ QUYẾT

Phê chuẩn danh sách Phó Chủ nhiệm, Ủy viên Thường trực, Ủy viên chuyên trách và các Ủy viên khác của Ủy ban Xã hội của Quốc hội khóa XV

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;

Căn cứ Quy chế làm việc của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành kèm theo Nghị quyết số 1075/2015/UBTVQH13 ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Tờ trình số 02/TTr-UBXH15 ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Chủ nhiệm Ủy ban Xã hội;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Công tác đại biểu tại Tờ trình số 512/TTr-BCTĐB ngày 21/7/2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn danh sách Phó Chủ nhiệm Ủy ban Xã hội của Quốc hội khóa XV, gồm:

1. Ông Đặng Thuần Phong, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bến Tre.
2. Ông Nguyễn Hoàng Mai, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tiền Giang.
3. Bà Nguyễn Thị Kim Thúy, Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Đà Nẵng.
4. Bà Đỗ Thị Lan, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Ninh.
5. Ông Lâm Văn Đoàn, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Phê chuẩn danh sách Ủy viên Thường trực Ủy ban Xã hội của Quốc hội khóa XV, gồm:

1. Ông Đinh Ngọc Quý, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai.
2. Bà Lò Thị Việt Hà, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang.
3. Ông Lê Văn Khảm, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Dương.
4. Bà Trần Thị Thanh Lam, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bến Tre.
5. Bà Nguyễn Thanh Cẩm, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tiền Giang.

Điều 3. Phê chuẩn danh sách Ủy viên chuyên trách Ủy ban Xã hội của Quốc hội khóa XV, gồm:

1. Bà Trần Thị Hồng An, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Ngãi.
2. Ông Phạm Trọng Nghĩa, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lạng Sơn.

Điều 4. Phê chuẩn danh sách các Ủy viên khác của Ủy ban Xã hội của Quốc hội khóa XV, gồm các ông, bà sau đây:

1. Ông Nguyễn Tuấn Anh, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Phước.
2. Bà Phúc Bình Niê K'đam, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đắk Lắk.
3. Ông Trương Xuân Cừ, Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội.
4. Ông Lê Văn Cường, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thanh Hóa.
5. Bà Phạm Thị Hồng Diễm, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Trà Vinh.
6. Bà Nguyễn Thị Thu Dung, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Bình.
7. Bà Trần Thị Nhị Hà, Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội.
8. Bà Nguyễn Thị Thu Hà, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Ninh Bình.
9. Bà Đoàn Thị Hảo, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên.
10. Bà Trần Thị Hiền, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hà Nam.
11. Ông Phạm Như Hiệp, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thừa Thiên Huế.
12. Bà Trần Thị Thanh Hương, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh An Giang.
13. Ông Nguyễn Đình Khang, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Ninh Thuận.
14. Bà Phạm Khánh Phong Lan, Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hồ Chí Minh.
15. Bà Hà Thị Nga, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Tháp.
16. Bà Huỳnh Thị Phúc, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
17. Ông Dương Văn Phước, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam.
18. Ông Trần Văn Sáu, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Tháp.
19. Ông Võ Mạnh Sơn, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thanh Hóa.
20. Ông Đỗ Tiến Sỹ, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hưng Yên.
21. Ông Nguyễn Huy Thái, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bạc Liêu.
22. Ông Vi Đức Thọ, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Sơn La.
23. Bà Lý Anh Thư, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Kiên Giang.
24. Ông Nguyễn Tri Thức, Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hồ Chí Minh.
25. Bà Nguyễn Hoàng Bảo Trân, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Dương.
26. Bà Nguyễn Thị Minh Trang, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Vĩnh Long.
27. Ông Nguyễn Anh Trí, Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội.
28. Ông Hà Quốc Trị, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Khánh Hòa.
29. Ông Tráng A Tủa, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Điện Biên.

30. Bà Nguyễn Hoàng Uyên, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Long An.
31. Bà Trần Thị Vân, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Ninh.
32. Bà Nguyễn Thị Như Ý, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai.
33. Bà Trần Kim Yên, Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 5. Chủ nhiệm Ủy ban Xã hội, Trưởng Ban Công tác đại biểu, Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội và các ông, bà có tên tại các điều 1, 2, 3 và 4 theo trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 6. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- BTCTW;
- Ban Công tác đại biểu;
- VPQH (Cục QT, Vụ TCCB, Vụ KHTC, Vụ HC);
- Lưu: HC, CTĐB.
- Số E-pas: 54055

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Vương Đình Huệ